

NGHIÊN CỨU XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN NĂM 2017-2020 ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

TS Đặng Anh Kiệt¹; TS. Ngô Văn Hỷ²

Tóm tắt: Kết quả nghiên cứu đã xác định được 31 giải pháp cụ thể trong 5 nhóm phát triển TTTTC tỉnh An Giang trong giai đoạn năm 2017-2020, định hướng đến năm 2030, gồm: Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách (8 giải pháp); Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực (6 giải pháp); Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất (6 giải pháp); Nhóm giải pháp về phát triển khoa học công nghệ TDTT và tăng cường hợp tác về TTTTC (5 giải pháp); Nhóm giải pháp về thông tin, tuyên truyền (6 giải pháp). Kết quả đánh giá của chuyên gia đối với 31 giải pháp thuộc 5 nhóm giải pháp đều được các chuyên gia, các nhà khoa học chuyên ngành TDTT, cán bộ quản lý đánh giá ở mức cao..

Từ khóa: Nghiên cứu, xác định, giải pháp, phát triển thể thao thành tích cao, tỉnh An Giang.

Summary: Research results have identified 31 specific solutions in 5 groups of financial information development in An Giang province in the period 2017-2020, with an orientation to 2030, including: Group of solutions on mechanisms and policies (8 solutions France); Solution group on human resource development (6 solutions); Facilities solution group (6 solutions); Solution group on developing sports science and technology and strengthening cooperation on physical training (5 solutions); Group of solutions on information and propaganda (6 solutions). The results of expert evaluation of 31 solutions belonging to 5 solution groups were all rated at a high level by experts, scientists specializing in sports and sports, and managers.

Keywords: Research, identify, solutions for developing high-performance sports, An Giang province.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhìn lại thể thao thành tích cao của An Giang trong những năm qua có thể thấy : An Giang trong đã cố gắng phấn đấu đạt vượt chỉ tiêu huy chương được giao tham gia các giải thể thao quốc gia, quốc tế và khu vực; góp phần vào việc thúc đẩy phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao, tiếp tục duy trì và phát triển các môn thể thao thế mạnh của tỉnh. Các chương trình, Đề án của tỉnh đã được UBND tỉnh An Giang phê duyệt đã góp phần lớn vào việc hoàn thành các nhiệm vụ chỉ tiêu Thể thao thành tích cao hàng năm. Tuy nhiên, để nâng cao và phát triển thể thao thành tích cao hơn nữa trên địa bàn tỉnh cần phải tiến hành phân tích thực trạng về

phát triển thể thao thành cao một cách toàn diện và có khoa học để tìm ra những hạn chế và nguyên nhân nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm, những giải pháp triển thể thao thành tích cao ở tỉnh An Giang ngày càng có chất lượng hơn trong giai đoạn mới. Do vậy việc nghiên cứu xác định các giải pháp giải pháp phát triển thể thao thành tích cao ở tỉnh An Giang giai đoạn 2017 – 2020 và định hướng 2030 là cần thiết để góp phần vào sự phát triển TTTTC của tỉnh An Giang trong những năm tới có hiệu quả hơn.

Phương pháp và đối tượng nghiên cứu. Đề tài đã sử dụng phương pháp: phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn, phân tích SWOT, thực

nghiệm xã hội học và toán học thống kê.

Khách thể nghiên cứu là 50 chuyên gia, huấn luyện viên, nhà quản lý và nhà khoa học đang công tác tại Sở VH-TTDL An Giang và Trường ĐH TDTT TPHCM. toán thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

2.1. Xác định các giải pháp phát triển TTTTC tỉnh An Giang trong giai đoạn năm 2017-2020, định hướng đến năm 2030

Từ những căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn và qua phân tích SWOT, đề tài đã xác định được 05 nhóm giải pháp phát triển TTTTC tỉnh An Giang trong giai đoạn năm 2017-2020, định hướng đến năm 2030, đó là:

Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách (gồm có 8 giải pháp).

Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực (gồm có 6 giải pháp).

Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất (gồm có 6 giải pháp).

Nhóm giải pháp về phát triển khoa học công nghệ TDTT và tăng cường hợp tác về TTTTC (gồm có 5 giải pháp).

Nhóm giải pháp về thông tin, tuyên truyền (gồm có 6 giải pháp).

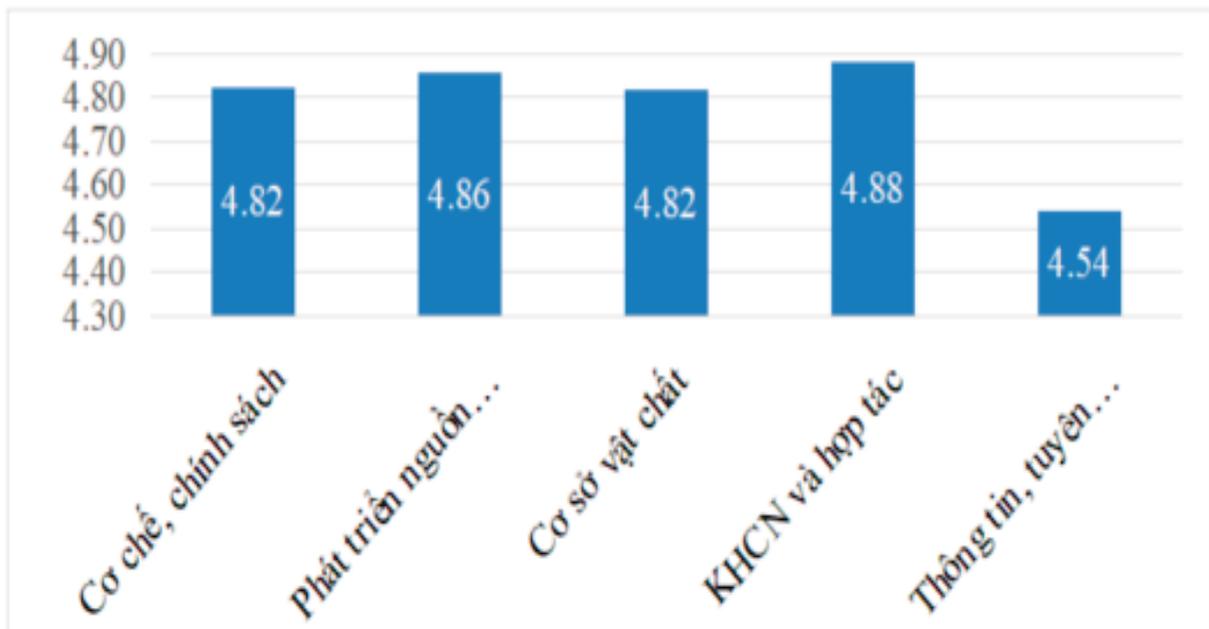
2.2. Kết quả đánh giá của chuyên gia về nhóm giải pháp đề xuất

Sau khi xây dựng hệ thống các giải pháp phát triển TTTTC tỉnh An Giang trong giai đoạn năm 2017-2020, định hướng đến năm 2030, tác giả gửi đến các tiến sỹ chuyên ngành TDTT, các chuyên gia nghiên cứu về TTTTC, các cán bộ quản lý TDTT để đánh giá mức độ quan trọng của từng nhóm các giải pháp, nhằm đảm bảo tính khách quan cho các giải pháp được đề xuất.

Sau khi thu thập, phân tích và xử lý các thông tin thu được từ các chuyên gia, luận án chỉ chọn lựa những giải pháp nhận được điểm trung bình từ 3.5 trở lên. Như vậy, kết quả nghiên cứu cùng với sự đóng góp của các chuyên gia, tác giả sẽ đưa các cơ sở khách quan cho kết quả của nghiên cứu.

Sau khi tổng hợp, tác giả không nhận được thêm ý kiến đề xuất của chuyên gia các giải pháp. Đối với 5 nhóm giải pháp mà luận án đề xuất đều được các chuyên gia đánh giá ở mức độ cần thiết và rất cần thiết (giá trị trung bình từ 4.54 đến 4.88), trong đó nhóm giải pháp được đánh giá cao nhất là “Nhóm giải pháp về phát triển khoa học công nghệ TDTT và tăng cường hợp tác về TTTTC” (TB = 4.88).

Để thấy rõ được tầm quan trọng của mỗi giải pháp trong 5 nhóm giải pháp phát triển TTTTC



Biểu đồ 1. Kết quả đánh giá của chuyên gia về nhóm giải pháp đề xuất

của tỉnh An Giang, luận văn cũng đã phân tích và đưa ra kết quả về mức độ quan trọng của mỗi giải pháp trong từng nhóm. Các kết quả đánh giá của các chuyên gia được thể hiện chi tiết như sau:

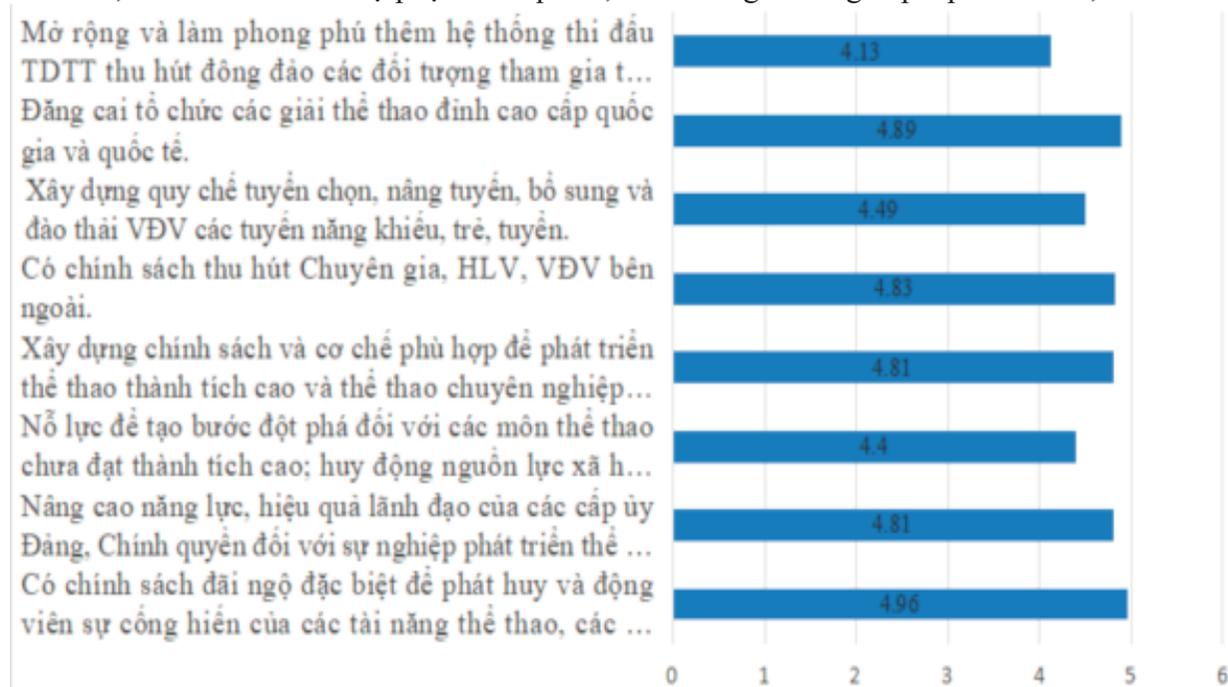
2.2.1. Kết quả đánh giá của chuyên gia về nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách

Trong nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách, các chuyên gia đánh giá cần thiết nhất là giải pháp “Có chính sách đãi ngộ đặc biệt để phát huy và động viên sự cống hiến của các tài năng thể thao, các HLV và các bộ phận liên quan”,

trung bình đạt 4.96. Xếp thứ hai là giải pháp “Đăng cai tổ chức các giải thể thao đỉnh cao cấp quốc gia và quốc tế”, trung bình đạt 4.89. được đánh giá ở mức ít cần thiết nhất trong nhóm này là “Mở rộng và làm phong phú thêm hệ thống thi đấu TDTT quần chúng từ cấp cơ sở tới cấp tỉnh, kích thích và thu hút đông đảo các đối tượng tham gia tập luyện và thi đấu TDTT, tạo nguồn đầu vào cho TTTTC” đạt 4.13.

2.2.2. Kết quả đánh giá của chuyên gia về nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Trong nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách,



Biểu đồ 2. Kết quả đánh giá của chuyên gia về nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách



Biểu đồ 3. Kết quả đánh giá của chuyên gia về nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

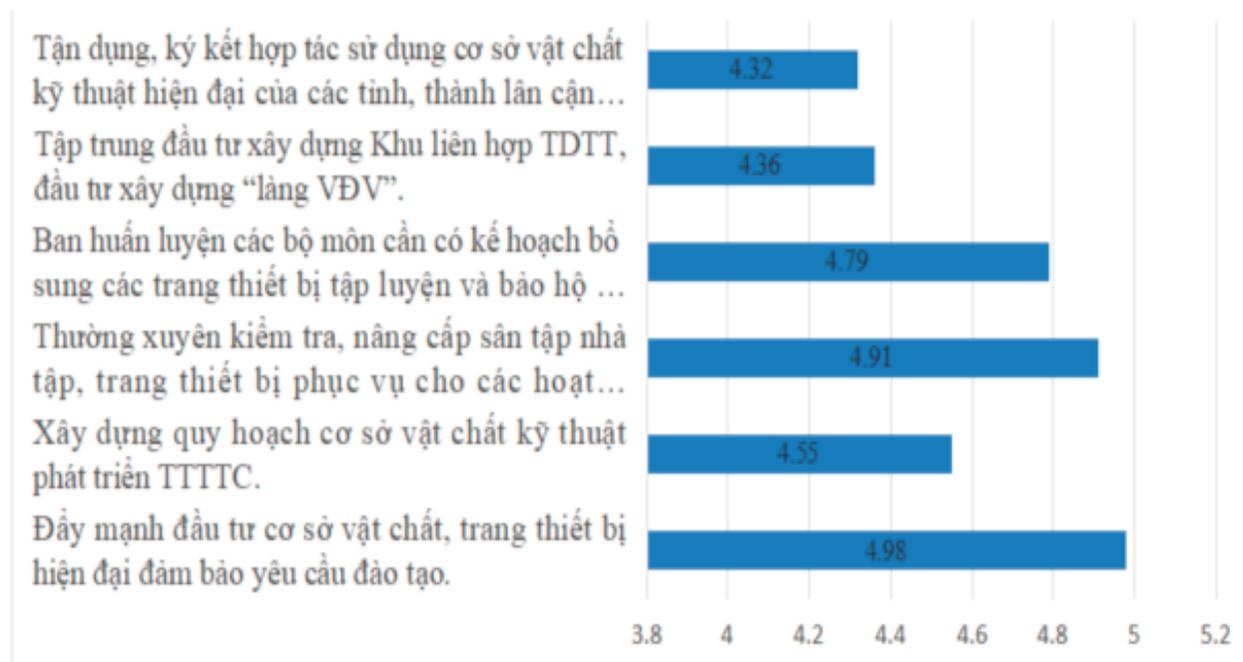
các chuyên gia đánh giá cần thiết nhất là 2 giải pháp “Quan tâm tuyển chọn, đào tạo VĐV năng khiếu; mở rộng giao lưu văn hóa – thể thao cấp vùng, tổ chức tốt các cuộc hội thao, thi đấu thể thao” và “Thực hiện chuyên nghiệp hóa thể thao thành tích cao, củng cố và tăng cường hệ thống đào tạo HLV, VĐV, duy trì và tăng thêm số đội thể thao và VĐV đạt đẳng cấp quốc gia”, trung bình đạt 4.94. Xếp thứ hai là giải pháp “Chú trọng bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ, HLV và trọng tài thể thao thông qua các hình thức tập huấn trong và ngoài nước, các khóa đào tạo ngắn và dài hạn của các tổ chức thể thao quốc tế; tạo điều kiện để cán bộ TDTT, cán bộ phụ trách chuyên môn, đặc biệt là ở các môn thể thao trọng điểm của tỉnh tham gia vào các tổ chức TDTT quốc tế” và “Thực hiện quy hoạch đào tạo lực lượng cán bộ quản lý, HLV, VĐV, trọng tài, bác sĩ thể thao, đồng thời thu hút nguồn cán bộ từ bên ngoài với chất lượng theo hướng chuyên nghiệp.”, trung bình đạt 4.85. được đánh giá ở mức ít cần thiết nhất trong nhóm này là “Xây dựng mỗi quận, huyện có trường lớp năng khiếu TDTT để đào tạo, phát triển tài năng cho tuyển trên.” đạt 4.15.

2.2.3. Kết quả đánh giá của chuyên gia về nhóm giải pháp về cơ sở vật chất

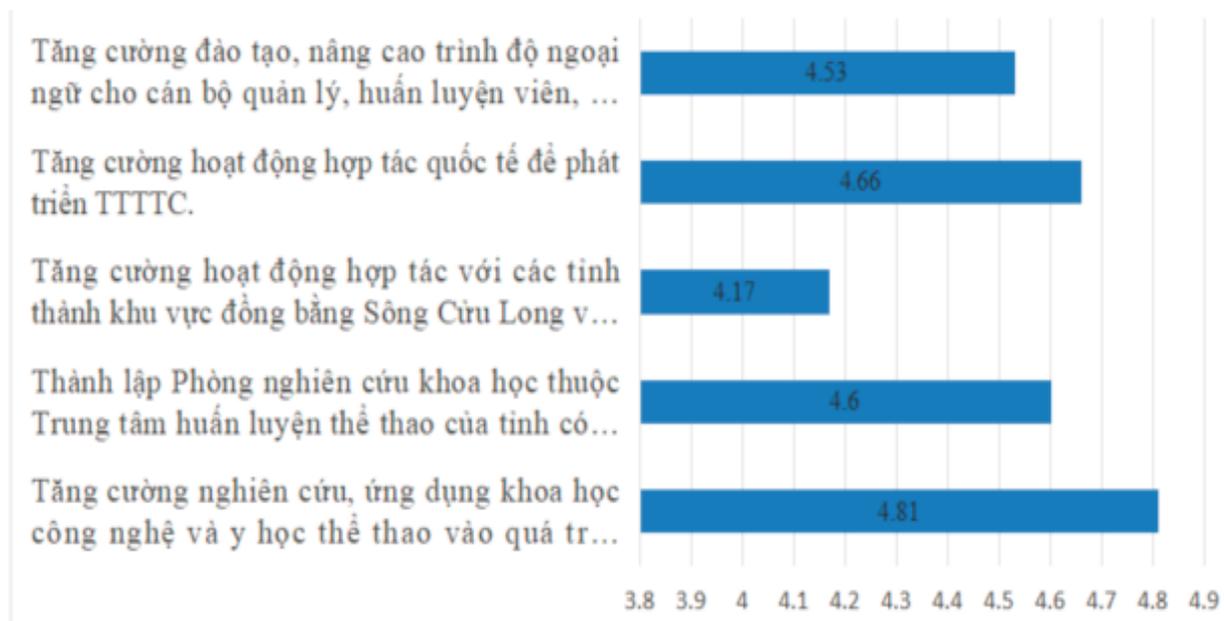
Trong nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách, các chuyên gia đánh giá cần thiết nhất là giải pháp “Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại đảm bảo yêu cầu đào tạo.”, trung bình đạt 4.98. Xếp thứ hai là giải pháp “Thường xuyên kiểm tra, nâng cấp sân tập nhà tập, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động tập luyện và thi đấu của VĐV”, trung bình đạt 4.91. Được đánh giá ở mức ít cần thiết nhất trong nhóm này là “Tận dụng, ký kết hợp tác sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại của các tỉnh, thành lân cận để phát triển TTTTC.” đạt 4.32.

2.2.4. Kết quả đánh giá của chuyên gia về nhóm giải pháp phát triển khoa học công nghệ TDTT và tăng cường hợp tác về TTTTC

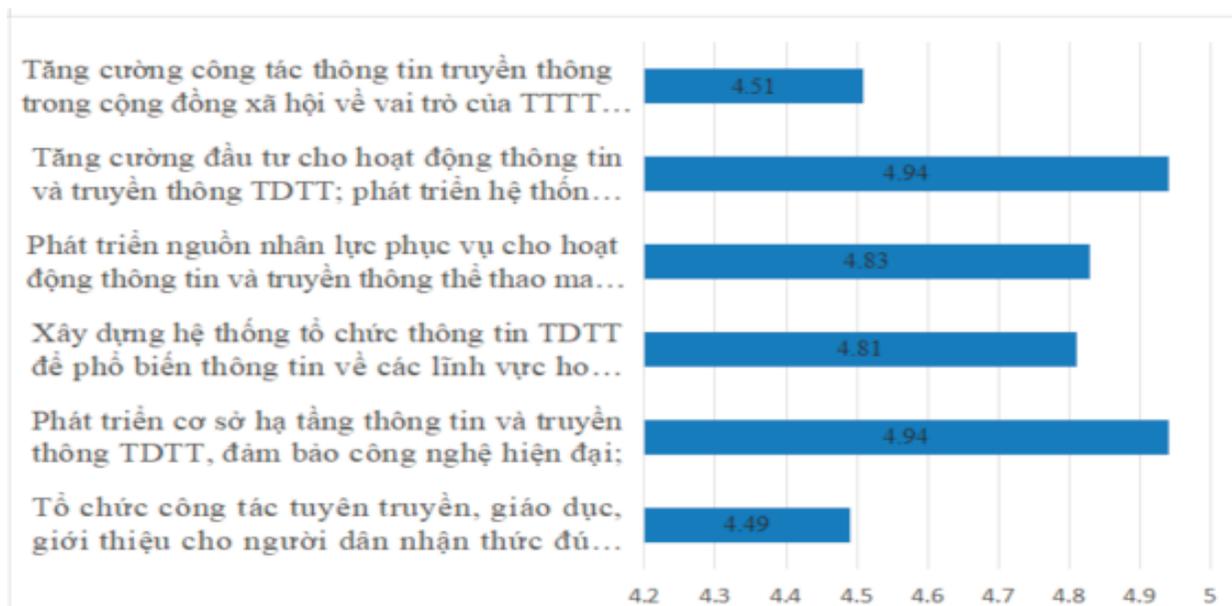
Trong nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách, các chuyên gia đánh giá cần thiết nhất là giải pháp “Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và y học thể thao vào quá trình tuyển chọn và đào tạo VĐV TTTTC.”, trung bình đạt 4.81. Xếp thứ hai là giải pháp “Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế để phát triển TTTTC.”, trung bình đạt 4.66. được đánh giá ở mức ít cần thiết nhất trong nhóm này là “Tăng cường hoạt động hợp tác với các tỉnh thành khu vực đồng bằng Sông Cửu Long và cả nước để phát triển TTTTC.” đạt 4.17.



Biểu đồ 4. Kết quả đánh giá của chuyên gia về nhóm GP về cơ sở vật chất



Biểu đồ 5. Kết quả đánh giá của chuyên gia về nhóm giải pháp phát triển khoa học công nghệ TDTT và tăng cường hợp tác về TTTTC



Biểu đồ 6. Kết quả đánh giá của chuyên gia về nhóm giải pháp về thông tin, tuyên truyền

2.2.5. Kết quả đánh giá của chuyên gia về nhóm giải pháp về thông tin, tuyên truyền

Trong nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách, các chuyên gia đánh giá cần thiết nhất là giải pháp “Phát triển cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông TDTT, đảm bảo công nghệ hiện đại; quản lý, khai thác, phổ biến, sử dụng thông tin hiệu quả phục vụ TDTT của tỉnh” và “Tăng cường đầu tư cho hoạt động thông tin và truyền thông TDTT; phát triển hệ thống phòng truyền

thông TDTT và thư viện TDTT ở các cơ quan quản lý TDTT, các trung tâm quận, huyện.”, trung bình đạt 4.94. Xếp thứ hai là giải pháp “Xây dựng hệ thống tổ chức thông tin TDTT để phổ biến thông tin về các lĩnh vực hoạt động TDTT.”, trung bình đạt 4.81. được đánh giá ở mức ít cần thiết nhất trong nhóm này là “Tổ chức công tác tuyên truyền, giáo dục, giới thiệu cho người dân nhận thức đúng đắn và sâu sắc về lợi ích và ý nghĩa của hoạt động TTTTC.” đạt 4.49.

3. KẾT LUẬN

Căn cứ các chỉ thị, nghị quyết, quyết định của Đảng, Chính phủ, Bộ VH-TTDL và Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang; căn cứ thực trạng công tác phát triển thể thao thành tích cao tỉnh An Giang và thông qua phân tích SWOT, Đề tài đã xác định được 31 giải pháp cụ thể trong 5 nhóm phát triển TTTTC tỉnh An Giang trong giai đoạn năm 2017-2020, định hướng đến năm 2030, gồm: Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách (8 giải pháp); Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực (6 giải pháp); Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất (6 giải pháp); Nhóm giải pháp về phát triển khoa học công nghệ TDTT và tăng cường hợp tác về TTTTC (5 giải pháp); Nhóm giải pháp về thông tin, tuyên truyền (6 giải pháp). Kết quả đánh giá của chuyên gia đối với 31 giải pháp thuộc 5 nhóm giải pháp đều được các chuyên gia, các nhà khoa học chuyên ngành TDTT, cán bộ quản lý đánh giá ở mức cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng, *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01 tháng 12 năm 2011 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về Thể dục, thể thao đến năm 2020.*

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, *Chỉ thị 48/CT-BVHTTDL ngày 5 tháng 4 năm 2011 của*

BVHTTDL về việc tổ chức triển khai thực hiện “Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2011”.

3. Quyết định số 641/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 4 năm 2011, của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tổng thể phát triển thể dục, thể thao Việt Nam giai đoạn 2011 – 2030

4. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 1752/QĐ-TTg ngày 30/09/2013 về phê duyệt “Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.*

5. Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) An Giang, *Quyết định số 3535/2005/QĐ-UBND về việc ban hành Đề án “Phát triển thể thao thành tích cao tỉnh An Giang giai đoạn 2006 – 2010” ngày 28 tháng 12 năm 2005.*

6. Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) An Giang, *Quyết định Số: 1131/QĐ –UBND Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển văn hóa, thể thao tỉnh An Giang từ năm 2014 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, ngày 22 tháng 7 năm 2014.*

Nguồn bài báo: Trích từ luận án tiến sĩ giáo dục học của NCS Ngô Văn Hy

Ngày nhận bài: 3/9/2023; Ngày duyệt đăng: 20/9/2023.



Ảnh minh họa (Nguồn: Internet)